

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày: 06-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Viết Nguyên
2. Ông Lưu Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: NVT, sinh ngày 19/6/1972, tại xã C, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã C, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố Nguyễn Xuân Minh, sinh năm: 1940, mẹ LTT, sinh năm: 1941; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Cúc, sinh năm: 1974; có 02 con lần lượt sinh năm 1995, 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 06 ngày, kể từ ngày 05/9/2018 đến 11/9/2018, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 15/12/2018 NVT tiếp tục có hành vi tổ chức đánh bạc trên Sông Mã thuộc địa phận xã C, huyện Yên Định bị bắt quả tang và đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa trong một vụ án khác từ ngày 24/12/2018 đến nay.

2. Họ và tên: NTT, sinh ngày 10/6/1968, tại xã C, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã C, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố Nguyễn Xuân Lái (Đã chết), mẹ Phạm Thị Lan, sinh năm 1938; bị cáo có chồng Nguyễn Văn Hiền, sinh năm: 1967; có 02 con lần lượt sinh năm 1989, 1991.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 06 ngày, kể từ ngày 05/9/2018 đến 11/9/2018, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: NDT, sinh ngày 18/8/1982, tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 10, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố Nguyễn Duy Hóa, sinh năm: 1956, mẹ Nguyễn Thị Len, sinh năm: 1960; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Hiền, sinh năm: 1984; có 2 con sinh năm 2004 và 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 06 ngày, kể từ ngày 05/9/2018 đến 11/9/2018, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ và tên: CVC, sinh ngày 20/8/1970, tại xã C, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Phú Khang, xã C, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố Cao Xuân Bình, sinh năm: 1939, mẹ Phạm Thị Tánh, sinh năm: 1940; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Minh, sinh năm: 1971; có 2 con sinh năm 1993 và 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 06 ngày, kể từ ngày 05/9/2018 đến 11/9/2018, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: LTT, sinh ngày 01/01/1978, tại Phường Lam Sơn, Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: phố Ngô Từ, phường Lam Sơn, Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố Lê Sỹ Thái, sinh năm: 1941, mẹ Bùi Thị Vời, sinh năm: 1947; bị cáo có chồng nhưng đã ly hôn; có 3 con sinh năm 1995, 2002, 2005.

Tiền án: 01 tiền án: Ngày 24/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định xử phạt 8.000.000 đồng về tội: Đánh bạc, theo bản án số 58/2013/HSST ngày 24/12/2013.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 20 ngày kể từ ngày 05/9/2018 đến ngày 25/9/2018, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Họ và tên: LĐH, sinh ngày 12/10/1992, tại xã D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn K, xã D, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố Lê Đình Tình, sinh năm: 1965, mẹ Nguyễn Thị Dung, sinh năm: 1961; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm: 1993; có 02 con sinh lần lượt năm 2013, 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 06 ngày, kể từ ngày 05/9/2018 đến 11/9/2018, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Họ và tên: PVH, sinh ngày 06/11/2000, tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố Phạm Văn Tương, sinh năm: 1972, Mẹ KTH, sinh năm: 1974; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam.

8. Họ và tên: LĐB, sinh ngày 02/9/1992, tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố Lê Đình Độ, sinh năm: 1952, mẹ Lê Thị Cẩn, sinh năm: 1954; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 06 ngày, kể từ ngày 05/9/2018 đến 11/9/2018, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Họ và tên: LXL, sinh ngày 05/10/1988, tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố Lê Xuân Nhuận, sinh năm: 1934, mẹ Lê Thị Hi, sinh năm: 1937; bị cáo có vợ Vũ Thị Dương, sinh năm: 1993; có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 06 ngày, kể từ ngày 05/9/2018 đến 11/9/2018, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

10. Họ và tên: LDC, sinh ngày 12/02/1995, tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố Lê Đình Nam, sinh năm: 1974, mẹ Lê Thị Thu, sinh năm: 1971; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 06 ngày, kể từ ngày 05/9/2018 đến 11/9/2018, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

11. Họ và tên: LHP, sinh ngày 04/5/1962, tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm động; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố Lê Huy Thịnh, mẹ Lê Thị Nhâm (Đều đã chết); bị cáo có vợ Trần Thị Nhung, sinh năm: 1965; có 04 con lần lượt sinh năm 1987, 1991, 1993, 1995.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 06 ngày, kể từ ngày 05/9/2018 đến 11/9/2018, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

12. Họ và tên: TVĐ, sinh ngày 09/5/1992, tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố Trịnh Văn Thiệu, sinh năm: 1969, mẹ Lê Thị Thủy, sinh năm: 1971; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 06 ngày, kể từ ngày 05/9/2018 đến 11/9/2018, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Người bào chữa cho bị cáo LXL và LĐH: Bà Lương Thanh Vân, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa.

(Đến giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị cáo PVH đã trên 18 tuổi và có đơn từ chối người bào chữa nên không triệu tập bà KTH - người bào chữa cho bị cáo PVH trong giai đoạn khởi tố, truy tố đến tham gia phiên tòa).

- Người làm chứng: 1. BVH, sinh năm: 1983

Trú tại: Thôn 1, xã C, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

2. PVL, sinh năm 1989

Trú tại: Thôn 2, xã C, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

3. PVL, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn 8, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, người bào chữa, người làm chứng anh Phạm Văn Thành, vắng mặt người làm chứng còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 05/9/2018, bị cáo NVT đến nhà NTT ở cùng thôn chơi, Thành ngồi uống nước tại quán nhà Thanh khoảng 10 phút thì có Đỗ Văn Chí và BVH đều là người cùng xã đến. Tiếp đó có NDT, CVC đến, sau đó có PVL và PVH, LTT, LĐH cũng đến quán nhà Thanh. Lúc này, NVT nói: “Đồng người, anh em ta làm tí”, ý là rủ mọi người đánh bạc, cả bọn thống nhất đánh xóc đĩa ăn tiền. Thành vào nhà gặp Thanh để mượn nhà đánh bài thì Thanh đồng ý, đồng thời Thành bảo Chí xóc đĩa cho mọi người đánh. Thành vào bếp nhà Thanh lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 vỏ bao thuốc Thăng Long rồi cùng mọi người đi lên tầng hai nhà Thanh; bị cáo NVT trải hai chiếc chiếu và một chiếc chăn có sẵn trong phòng xuống nền nhà, còn Chí cắt 04 quân vị hình tròn từ vỏ bao thuốc, sau đó Thành bảo Chí thu tiền hồ mỗi người chơi 100.000 đồng. Lúc này có LDB và LHP, đều người ở xã Đ đến thì Chí bắt đầu xóc đĩa để cho Thái, Chung, Tâm, Hải, Hiền và Bảy đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, đặt cược tối thiểu là 100.000 đồng và tối đa là 300.000 đồng/1 ván.

Cách thức chơi như sau: Chí cho bốn quân bài vị vào bộ bát đĩa dùng tay xóc, người chơi sẽ đặt cược theo hai hình thức “Chắn” hoặc “Lẻ”. Khi mọi người đặt tiền xong Chí sẽ mở bát, nếu về chắn người chơi đặt cược chắn sẽ nhận được số tiền bằng số tiền đã cược từ người cầm cái, còn người đặt lẻ sẽ bị mất số tiền đã đặt cược cho người cầm cái. Trong quá trình đánh bạc các con bạc thay nhau cầm cái, Chí là người xóc đĩa.

Ban đầu Phẩm chưa tham gia đánh bạc nên cùng Huyện và Thanh ngồi ngoài xem. Cả bọn đánh bạc được khoảng 15 phút thì có LDC, LXL và TVĐ, đều là người ở xã Đ đến quán nhà Thanh thì gặp Thành, Thành nói: “Đang đánh bạc trên đó có chơi thì lên chơi”, Chinh, Lục, Đạt đi lên nơi các bị cáo đang đánh bạc, Chinh và Lục ngồi tham gia luôn, còn Phẩm, Đạt lúc này chưa tham gia mà ngồi xem nhưng sau đó cũng tham gia đặt cửa để đánh bạc một số ván. Quá trình đánh bạc Thành không tham gia mà đứng ở ban công tầng hai và đứng ở dưới để canh gác, cảnh giới. Đánh bạc được khoảng 30 phút, Chí bảo mỗi người chơi cắt

100.000 đồng tiền hồ thì các người chơi đồng ý và cắt được tổng số tiền 800.000 đồng, Chí cầm số tiền này đưa cho Thành. Cả bọn đánh bạc đến 19 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Công an huyện Yên Định phát hiện bắt, lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 01 chiếc bát sứ đã qua sử dụng, 01 chiếc đĩa sứ đã qua sử dụng, 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá và số tiền 18.200.000 đồng. Ngoài ra, LHP tự nguyện giao nộp 150.000 đồng, PVH giao nộp 5.000.000 đồng, LTT giao nộp 2.000.000 đồng, TVĐ giao nộp 800.000 đồng, CVC giao nộp 1.000.000 đồng, LĐC giao nộp 3.500.000 đồng, NVT giao nộp 800.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen bạc, số IMEI 1: 356011082537165, số IMEI 2: 356011082537173, trong điện thoại có một sim số thuê bao 0973284056, đã qua sử dụng; LDB giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen, trong điện thoại có lắp 01 sim có số thuê bao 0989612670, đã qua sử dụng; NTT giao nộp 01 chiếc chiếu bằng nhựa màu xanh dài 2m, rộng 1,5m; 01 chiếc chiếu bằng nhựa màu vàng dài 2m, rộng 1,5m và 01 chiếc chắn loại chắn nỉ màu vàng đỏ.

Trong giai đoạn Viện kiểm sát truy tố, một số bị can khai còn có người tên Huyện có tham gia đánh bạc và Chí cũng có tham gia đánh bạc nên Viện kiểm sát đã trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung xác định hành vi phạm tội của các đối tượng này. Tuy nhiên quá trình điều tra bổ sung không đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của Huyện, do đó chưa có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật. Mặt khác do Chí bỏ trốn nên không thể tiến hành điều tra làm rõ việc này. Vì vậy khi nào bắt được Chí sẽ tiếp tục làm rõ để xem xét xử lý theo luật định.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 05/9/2018, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, tài liệu đã thu được có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 20 ngày 03/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố bị cáo NVT về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố NTT về tội “Gá bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Truy tố NDT, CVC, LTT, LĐH, PVH, LDB, LXL, TVĐ, LHP, LĐC về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đề nghị thay đổi truy tố đối với bị cáo NTT về tội Gá bạc, để truy tố bị cáo NTT về tội đánh bạc, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo còn lại và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 322, khoản 1 Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo NVT.

Đề nghị xử phạt NVT từ 18 đến 24 tháng tù, được trừ đi 06 ngày tạm giữ vào thời gian chấp hành án;

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo LTT.

Đề nghị xử phạt bị cáo LTT từ 15 đến 18 tháng tù, được trừ đi 21 ngày tạm giữ, tạm giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Thái, Hiền, Chung, Hải, Bảy, Chinh, Lục, Thanh, Phạm, Đạt; riêng bị cáo LXL áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo PVH áp dụng thêm các điều 91, 98, 101 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo NDT từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Đề nghị xử phạt bị cáo LĐH từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Đề nghị xử phạt bị cáo CVC từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Đề nghị xử phạt bị cáo PVH từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Đề nghị xử phạt bị cáo LĐB từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Đề nghị xử phạt bị cáo LĐC từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Đề nghị xử phạt bị cáo LXL từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Đề nghị xử phạt bị cáo NTT từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hữu Phẩm từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Đề nghị xử phạt bị cáo TVĐ từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Về phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322, khoản 2 Điều 35 Bộ luật hình sự.

Đề nghị phạt bổ sung NVT từ 25 đến 30 triệu đồng;

Đề nghị phạt bổ sung đối với LTT, CVC, NDT, LĐH, PVH, LĐB, LĐC, Lê Hữu Phẩm, TVĐ mỗi bị cáo từ 15 đến 20 triệu đồng.

Đề nghị phạt bổ sung NTT từ 10 đến 15 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 31.450.000 là tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy 04 quân bài vị, một chiếc đĩa sứ, một chiếc bát sứ đã qua sử dụng, 02 chiếc chiếu nhựa và 01 chiếc chăn nỉ, đã qua sử dụng hiện đang lưu giữ tại Chi cục THADS huyện Yên Định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Hiền và bị cáo LXL đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo LXL 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, miễn tiền phạt bổ sung và tiền án phí cho bị cáo LXL vì thuộc hộ cận nghèo; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Hiền 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an huyện Yên Định, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo NVT, NTT, NDT, CVC, LTT, LĐH, PVH, LĐB, LXL, TVĐ, LHP, LĐC đều đã khai nhận: Vào chiều ngày 05/9/2018 bị cáo NVT đã mượn tầng 2 nhà bị cáo NTT cho các bị cáo NDT, CVC, LTT, LĐH, PVH, LĐB, LXL, TVĐ, LHP, LĐC đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền tại thôn 2, xã C, huyện Yên Định. Bị cáo NVT còn thu tiền hồ, canh gác, canh giới cho các bị cáo khác đánh bạc. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 31.450.000 đồng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 05/9/2018, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo NVT phạm tội tổ chức đánh bạc theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015; các bị cáo NDT, CVC, LTT, LĐH, PVH, LĐB, LĐC, LXL, TVĐ, LHP, NTT phạm tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo NTT là chủ nhà, biết các đối tượng đánh bạc tại nhà mình nhưng không ngăn cản mà để mặc cho các bị cáo đánh, tuy nhiên bị cáo lại không biết NVT mượn nhà mình để tổ chức đánh bạc, cũng không thu được bất kỳ lợi ích nào từ việc các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, nên chỉ bị xét xử về tội đánh bạc với vai trò là người giúp sức.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, xét thấy tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị được thay đổi truy tố đối với bị cáo NTT về tội Gá bạc để truy tố bị cáo về tội Đánh bạc là phù hợp.

Trong vụ án này còn có BVH, PVL và PVL cũng có mặt xem và chứng kiến các bị cáo đánh bạc nhưng không tham gia, cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ là phù hợp.

Đối với Đỗ Văn Chí là người trực tiếp xóc đĩa cho các bị cáo khác đánh bạc, trong quá trình điều tra vụ án này lại tiếp tục phạm tội mới và đã bỏ trốn, Đỗ Văn Chí đã bị truy nã nhưng hết thời hạn điều tra chưa bắt được nên Cơ quan điều tra đã tách vụ án và tạm đình chỉ điều tra đối với Đỗ Văn Chí, khi nào bắt được sẽ xử lý bằng một vụ án khác, nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Đỗ Văn Chí trong vụ án này.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Ngoài bị cáo LTT là người đang có tiền án, bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, các bị cáo khác đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo NVT và LTT trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo, bị cáo NVT có bố và mẹ đều là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huy chương kháng chiến, bị cáo Tâm có bố được tặng thưởng huy chương kháng chiến. Nên các bị cáo NVT và Tâm đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo NDT, CVC, LĐH, PVH, LDB, LXL, LDC, LHP, TVĐ, NTT đều thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo này đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo LXL có bố được tặng thưởng huy chương kháng chiến, được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo PVH khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi, nên được áp dụng các quy định có lợi về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, quy định tại Chương XII Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội và hình phạt:

Trong vụ án này, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không phân hóa vai trò, phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện tội phạm nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự.

Bị cáo NVT là người khởi xướng, đồng thời chủ động mượn địa điểm, thu tiền hồ, canh gác cho các bị cáo khác đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm với vai trò là người tổ chức đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét vị trí, vai trò của các bị cáo về tội đánh bạc thì thấy: Các bị cáo NDT, CVC, LTT, PVH, LĐH, LDB tham gia đánh bạc từ đầu nên phải chịu trách nhiệm ở vị trí thứ nhất trong vụ án về tội đánh bạc. Đối với các bị cáo LDC, LXL đến sau, thời gian tham gia đánh bạc ít hơn nên chịu trách nhiệm về tội đánh bạc ở vị trí số 2 trong vụ án.

Bị cáo LHP tuy đến trước nhưng không chơi từ đầu, bị cáo TVĐ cũng đến cùng Chinh, Lục nhưng ngồi xem, sau đó Phẩm, Đạt mới đặt cửa một số ván nên bị cáo LHP và bị cáo TVĐ chịu trách nhiệm ở vị trí số 3 trong vụ án.

Đối với bị cáo NTT là chủ nhà, biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình mà không ngăn cản, bị cáo không được hưởng lợi từ việc cho các bị cáo khác đánh bạc nên không bị xét xử về tội gá bạc, nhưng với tính chất mức độ của sự việc thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là người giúp sức trong vụ án đánh bạc, cùng với bị cáo LHP, Đạt giữ vai trò số 3 trong vụ án.

Bị cáo NVT có hành vi đánh bạc ngày 05/9/2018, trong thời gian áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc ngày 15/12/2018 trên Sông Mã, bị bắt tạm giam và đã bị xét xử theo bản án số 27/2019/HSST ngày 14/5/2019 của TAND huyện Yên Định (án chưa có hiệu lực pháp luật). Do vậy bị cáo bị xét xử lần này thuộc trường hợp hành vi phạm tội trước xét xử sau, nên không tính tái phạm, nhưng với quá trình đánh bạc cũng như nhân thân của bị cáo như nêu trên thể hiện khả năng giáo dục, cải tạo của bị cáo ngoài cộng đồng không cao. Hơn nữa bị cáo là người chủ động tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự để cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo NVT công dân tốt. Bị cáo có 06 ngày tạm giữ, từ ngày 05/9/2018 đến ngày 11/9/2018 sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Bị cáo LTT đang có tiền án về hành vi đánh bạc, nay lại tiếp tục phạm tội, nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự là phù hợp. Bị cáo có thời gian tạm giữ, tạm giam là 20 ngày, từ ngày 05/9/2018 đến ngày 25/9/2018 sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Các bị cáo NDT, CVC, PVH, LĐH, LDB, LDC, LXL, LHP, TVĐ, NTT đều có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; riêng bị cáo PVH khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên còn được áp dụng các quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc các bị cáo ở ngoài cộng đồng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Do vậy chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo NVT công

dân tốt. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt có xem xét đến vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án, thời gian tham gia đánh bạc, số tiền mỗi bị cáo sử dụng đánh bạc để xem xét mức phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo NVT, NTT, NDT, CVC, LTT, LÐH, LÐB, TVÐ, LHP, LÐC còn bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 và khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo PVH vì khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015; cũng không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo LXL vì thuộc hộ cận nghèo. Đối với bị cáo Hiền và Thái năm 2018 thuộc hộ cận nghèo, nhưng đến năm 2019 không thuộc hộ cận nghèo nên không được miễn phạt bổ sung.

[5] Về xử lý vật chứng:

Quá trình thẩm tra tại phiên tòa đã chứng minh được toàn bộ số tiền 31.450.000 đồng gồm tiền thu giữ trên chiếu bạc 18.200.000 đồng và 13.250.000 đồng các bị cáo tự nguyện giao nộp đều là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc. Do vậy căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền 31.450.000 đồng, hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Đối với 04 quân bài vị, một chiếc đĩa sứ, một chiếc bát sứ đã qua sử dụng, 02 chiếc chiếu nhựa và 01 chiếc chăn loại chăn nỉ, đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo dùng để thực hiện đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của NVT và 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của LÐB là những tài sản của các bị cáo không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo NVT và bị cáo LÐB là phù hợp nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo LXL thuộc đối tượng hộ cận nghèo, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo LXL. Đối với các bị cáo còn lại không thuộc đối tượng được miễn án phí, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo NVT phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố các bị cáo NDT, CVC, LTT, LÐH, PVH, LÐB, LÐC, LXL, TVÐ, LHP, NTT phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo NVT.

Xử phạt bị cáo NVT 15 tháng tù, được trừ đi 06 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 24 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo LTT.

Xử phạt bị cáo LTT 12 tháng tù, được trừ đi 20 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 10 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo NDT, CVC, LÐH, LÐB, LXL, TVÐ, LHP, LÐC, Lê Hữu Phẩm, TVÐ, NTT; riêng bị cáo LXL được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo NDT 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo CVC 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo LÐB 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo LÐH 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo LÐC 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo LXL 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu Phẩm 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo TVÐ 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo NTT 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo PVH.

Xử phạt bị cáo PVH 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao các bị cáo NDT, LDB, LDC, LXL, PVH, TVĐ, LHP cho UBND xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo LĐH cho UBND xã D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo CVC và NTT cho UBND xã C, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015.

Phạt bổ sung bị cáo NVT 25.000.000đ;

Phạt bổ sung bị cáo LTT 12.000.000đ, bị cáo CVC 12.000.000đ, bị cáo LDB 12.000.000đ, bị cáo NDT 12.000.000đ, bị cáo LĐH 12.000.000đ, bị cáo LDC 10.000.000đ, bị cáo NTT 10.000.000đ, bị cáo Lê Hữu Phẩm 10.000.000đ, TVĐ 10.000.000đ.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 31.450.000 là tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, theo Phiếu thu số PT 339 ngày 10/4/2019 và Biên lai thu tiền số AA/2015/0000261 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Tịch thu tiêu hủy 04 quân bài vị, một chiếc đĩa sứ, một chiếc bát sứ đã qua sử dụng, 02 chiếc chiếu nhựa và 01 chiếc chăn loại chăn nỉ, đã qua sử dụng hiện đang lưu giữ tại Chi cục THADS huyện Yên Định theo phiếu nhập kho số NK 29/2019 ngày 10/4/2019 của Chi cục THADS huyện Yên Định.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc NVT, NDT, CVC, LTT, LĐH, PVH, LDB, LDC, TVĐ, LHP, NTT, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo LXL.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Áp dụng Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Các bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng